TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2024/HS-PT
Ngày 17-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thương Huyền

Bà Mai Trần Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Đăng Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 176/TLPT-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Minh L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Minh L; Sinh ngày 05 tháng 4 năm 1999 tại Bến Tre; Thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre; Tạm trú: 3/71/5/6 đường T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Sinh viên ngành Y; Trình độ học vấn: 12/12Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Minh T và bà Lê Thị Phương N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại – Có mặt.

- Người bào chữa:

Ông Võ Trần C là luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Trần Minh L – Có mặt.

- Bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

1. Châu Hồng Đ; Sinh ngày 30 tháng 10 năm 1980 tại Tây Ninh; Thường

trú: 155B, hẻm G đường N, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Cao Đài; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Ngọc T1 (chết) và bà Lê Thị V (chết); Bị cáo có vợ, đã ly hôn và 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 18/11/2023 - Có mặt.

2. Đặng Hoài N; Sinh ngày 27/9/1983 tại Đà Nẵng; Thường trú: E H, Khu phố A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng N1 và bà Nguyễn Thị Hồng L1; Bị cáo có vợ tên Lê Thị Lan A (đã chết), có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2022 - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Trương Lập N2 quen biết với bị cáo Trần Minh L. Bị cáo L nói với anh Nghĩa l làm cộng tác viên với nhân viên một số ngân hàng để mở thẻ tín dụng cho khách. Anh N2 có nguồn khách muốn làm thẻ tín dụng nên đã nhờ bị cáo L làm thủ tục. Anh N2 có đưa bản photo căn cước công dân của những người khách muốn làm thẻ tín dụng và ứng trước số tiền 9.500.000 đồng cho bị cáo L làm thủ tục. Thấy lâu mà chưa có thẻ tín dụng nên anh N2 nghi ngờ bị cáo L. Vào ngày 12/12/2022, tại quán C2, số: 3 T, Phường A, Quận A, anh N2 yêu cầu bị cáo L trả lại tiền ứng trước cùng toàn bộ hồ sơ của khách. Bị cáo L không đồng ý đưa lại tiền mà đưa lại cho anh N2 13 tờ giấy xác nhận tạm trú của khách, nghi đây là giấy tờ giả nên anh N2 đến Công an P1, Quận A tố cáo bị cáo L và giao nộp 13 tờ giấy xác nhận tạm trú. Công an P1, Quận A lập hồ sơ vụ việc chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q giải quyết theo thẩm quyền.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo L khai 13 giấy xác nhận là giấy tờ giả, bị cáo L đã nhờ bị cáo Châu Hồng Đ làm, đồng thời giao nộp 01 giấy xác nhận đăng ký kinh doanh đứng tên Nguyễn Minh K. Bị cáo Đ khai 13 giấy giả do bị cáo Trần Minh L đặt là do bị cáo Đặng Hoài N làm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Châu Hồng Đ, Đặng Hoài N;

Thu giữ của Đ: 03 giấy đăng ký thông tin kiêm hợp đồng mở tài khoản và sử dụng dịch vụ của Ngân hàng S có ghi thông tin khách hàng: Trần Nguyễn Khương D, Nguyễn Quốc C1, Đinh Khắc Huỳnh T2; 01 giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng của Ngân hàng S1 có ghi tên khách hàng Ngô Thị Cẩm G;

01 giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ABBANKVISA; 01 hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán, kiêm phiếu đăng ký thông tin đăng ký dịch vụ kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ của ngân hàng A2 có ghi tên Trịnh Hoàng Phương A1; 01 hợp đồng lao động có tên Ngô Thị Cẩm G có hình con dấu của Công ty Cổ phần S2; 01 hợp đồng lao động có tên Trần Nguyễn Khương D có hình con dấu của Công ty TNHH Đ3; 01 hợp đồng lao động có tên Đinh Khắc Huỳnh T2 có con dấu của Công ty TNHH V2; 01 hợp đồng lao động có tên Phan Nhật T3 có hình con dấu của Công ty Cổ phần V3; 01 đơn xin xác nhận tạm trú của Đ do Công an phường T, quận T cấp ngày 20/9/2017, có mộc đỏ của Công an phường T và chữ ký của trung tá Trần Phước Đ1.

Thu giữ của N: 46 mặt dấu mộc hình tròn bằng keo photo polymer, có tên của các cơ quan, tổ chức; Một dấu mộc hình chữ nhật, bằng keo photo polymer có chữ "CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH …"; 07 dấu mộc bằng keo photo polymer, hình chữ nhật thể hiện các chức vụ; 18 dấu mộc bằng keo photo polymer, hình chữ nhật, thể hiện các cấp bậc, tên của sĩ quan Công an; 10 dấu mộc bằng keo photo polymer, hình chữ nhật thể hiện các tên người.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q trưng cầu giám định tài liệu đối với 13 "Đơn xin xác nhận tạm trú" có đóng dấu tròn, đỏ của Công an phường do N2 nộp. Kết luận giám định số: 45/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Phòng K2 Công an Thành phố H xác định: 13 hình dấu tròn trên 13 "ĐƠN XIN XÁC NHẬN TẠM TRÚ" là giả.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q trưng cầu giám định tài liệu đối với 33 mặt dấu mộc hình tròn bằng keo photo polymer, 01 đơn xác nhận tạm trú và 01 đơn xác nhận khinh doanh nhỏ. Kết luận giám định số: 4441/KL-KTHS ngày 09/5/2023 của Phòng K2 Công an Thành phố H, kết luận:

+ 33 mặt dấu mộc hình tròn bằng keo photo polymer, là giả.

+ Hình dấu tròn "U.B.N.D PHƯỜNG 10 QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH" trên đơn xin xác nhận kinh doanh đứng tên Nguyễn Minh K không phải đóng ra cùng mẫu dấu của Ủy ban nhân dân Phường A3, quận P.

+ Hình dấu tròn "CÔNG AN QUẬN TÂN PHÚ TP.HỒ CHÍ MINH - CÔNG AN PHƯỜNG TÂN THÀNH" trên đơn xác nhận tạm trú tên Châu Hồng Đ được đóng ra cùng mẫu của Công an phường T, quận T.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Trần Minh L khai: L làm cộng tác viên với nhân viên một số ngân hàng để mở thẻ tín dụng cho khách. Thông qua người bạn tên Quỳnh N3 (là cộng tác viên của L, sử dụng số điện thoại

0822402595), L biết anh Trương Lập N2. Ngày 05/12/2022, L gặp N2 ở quán C2, địa chỉ: 3 T, Phường A, Quận A, để trao đổi về việc làm hồ sơ cấp thẻ tín dụng. Sau đó, N2 gửi cho L thông tin của 13 khách hàng có nhu cầu mở thẻ tín dụng, L đồng ý làm. Do các khách hàng trên ở tỉnh không có tạm trú tại Thành phố Hồ Chí Minh nên L nói với N2 ứng cho L số tiền 9.500.000 đồng để làm tạm trú cho khách, nếu khách được cấp thẻ tín dụng thì L sẽ hoàn trả lại; N2 đồng ý và đã ứng tiền cho L. Trước đó, L đã đặt Châu Hồng Đ làm 14 tờ giấy xác nhận tạm trú giả với giá 7.200.000 đồng (được ký tên đóng dấu mộc sẵn, chưa điền thông tin người được xác nhận). L đã làm thất lạc mất 01 tờ còn 13 tờ L dùng điền thông tin nhân thân của các khách hàng do N2 nhờ làm thẻ tín dụng. Do N2 đòi lại tiền nên L đã đưa cho N2 13 tờ giấy xác nhận tạm trú giả và N2 đã giao nộp cho Cơ quan Công an. L biết rõ các giấy tờ xác nhận tạm trú Đ làm là giả vì khi nhận các giấy tờ từ Đ giao đều không có thông tin của người được xác nhận nhưng đã có ký tên, đóng dấu mộc đỏ của cơ quan Công an. Sau đó, ai cần giấy xác nhận thì L mới điền thông tin cá nhân vào các biểu mẫu xác nhận tạm trú. L sẽ hưởng lợi được từ việc mở được thẻ cho khách hàng, nếu mở được thẻ tín dụng thì khách phải trả 30% trên hạn mức ngân hàng cấp thẻ cho L. L cho người giới thiệu là N2 12%, chi phí thủ tục để làm thẻ hết 12%, L hưởng 06% trên hạn mức ngân hàng cấp thẻ. Ngoài ra vào ngày 08/12/2022, L nhắn tin đặt Đ làm 02 giấy xác nhận tạm trú (L gửi kèm theo hình ảnh căn cước công dân nhưng không yêu cầu xác nhận tạm trú ở địa chỉ nào). Đ đồng ý và đặt N (giấy không có thông tin cá nhân người cần xác nhận mà chỉ có dấu đỏ và chữ ký). Ngoài Châu Hồng Đ, L còn thông qua một số người bạn làm nhân viên sale thẻ tín dụng của các ngân hàng và hội nhóm trên mạng xã hội nên quen biết Lê Hữu Duy K1 sử dụng số điện thoại 0931638053. Cả hai kết bạn Zalo với nhau. L và K1 đều làm cộng tác viên mở thẻ tín dụng cho các ngân hàng. Do L có khách hàng ở tỉnh muốn mở thẻ tín dụng nhưng ngân hàng yêu cầu phải có xác nhận tạm trú tại Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận kinh doanh. L nhờ K1 làm giúp giấy xác nhận tạm trú, K1 nói với L có người quen xin xác nhận dùm, với giá 500.000 đồng/01 tờ xác nhận tạm trú và 1.000.000 đồng/01 xác nhận kinh doanh. L nhờ K1 làm 01 tờ giấy xác nhận tạm trú và 02 giấy xác nhận kinh doanh. L đã chuyển 2.500.000 đồng là tiền làm giấy tờ vào tài khoản số 108870030094 của K1, mở tại ngân hàng V4, 03 tờ giấy này L đã nhận. Trong đó, 02 giấy đưa cho nhân viên ngân hàng M để làm hồ sơ nhưng được thông báo không mở được nên đã huỷ hồ sơ (không thu giữ được), còn 01 giấy xác nhận đăng ký kinh doanh đứng tên Nguyễn Minh K (đã giám định là giả), L giao nộp là của Lê Hữu D1 K làm cho L để làm thủ tục mở thẻ tín dụng, nhưng L chưa làm được.

Châu Hồng Đ khai nhận, thông qua một số người bạn làm nhân viên sale thẻ tín dụng của ngân hàng giới thiệu thì Đ quen biết với Trần Minh L. Liên lạc qua zalo, L đã đặt Đ làm các giấy xác nhận tạm trú. Do trước đó Đ có quen với Đặng Hoài N là người làm những giấy xác nhận tạm trú, Đ đã thoả thuận với N làm giấy xác nhận tạm trú với giá 500.000 đồng/01 tờ. Đ đồng ý, thoả thuận làm cho L với giá 600.000 đồng/01 tờ giấy xác nhận tạm trú. Vào ngày 08/12/2022, L nhắn tin đặt Đ làm 02 giấy xác nhận tạm trú (L gửi kèm theo hình ảnh căn cước công dân nhưng không yêu cầu xác nhận tạm trú ở địa chỉ nào). Đ đồng ý và đặt N (giấy không có thông tin cá nhân người cần xác nhận mà chỉ có dấu đỏ và chữ ký). Ngày 09/12/2022, N làm xong giấy xác nhận như yêu cầu và cầm 02 tờ xác nhận tạm trú đưa cho Đ, Đ đặt G1 giao qua cho L tại hẻm S T, Phường A, Quận A. L nhận được giấy xác nhận thì chuyển khoản số tiền 1.200.000 đồng vào tài khoản số 0933781080 của Đ mở tại ngân hàng M1. Cùng ngày, Đ chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 1151111368 của N5 mở tại ngân hàng V5. Ngày 10/12/2022, L tiếp tục đặt Đ làm 12 tờ xác nhận tạm trú ở các quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đ nhận lời làm cho L với giá 500.000 đồng/01 tờ giấy xác nhận và sau đó chuyển thông tin cho N. Ngày 12/12/2022, N làm xong giấy xác nhận thì thông báo cho Đ biết. Đ nhắn thông tin cho N để đặt grab giao giấy xác nhận thẳng qua cho L. Sau khi nhận được 12 tờ giấy xác nhận tạm trú, L đã chuyển số tiền 6.000.000 đồng tiền vào tài khoản của Đ. Đ biết những tờ xác nhận Nam làm là giả vì L chỉ gửi số lượng và địa phương cần xác nhận chứ không gửi thông tin người xác nhận. Khi giao các tờ giấy tạm trú cho L thì đều là giấy không có thông tin gì, chỉ có xác nhận và đóng dấu mộc đỏ của cơ quan Công an, sau đó L sẽ điền thông tin cá nhân vào các biểu mẫu xác nhận tạm trú.

Lê Hữu Duy K1 khai nhận: Thông qua mạng xã hội Z và do cả hai đều làm cộng tác viên mở thẻ tín dụng của các ngân hàng nên K1 và L quen biết nhau. Trong quá trình làm hồ sơ mở thẻ tín dụng cho khách hàng ở tỉnh, cần có giấy xác nhận tạm trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, nên K1 lên mạng xã hội Facebook để đặt mua những giấy tờ xác nhận. L biết K1 biết chỗ làm giấy chứng nhận, nên khoảng tháng 11/2022 L đặt K1 làm giúp. K1 đồng ý (Khoa đặt giúp không có hưởng lợi gì) và đặt cho L 01 giấy xác nhận tạm trú, 01 giấy xác nhận kinh doanh, thông tin khách hàng tên V1. Sau đó, K1 yêu cầu L gửi (hình căn cước công dân, hình ảnh nơi kinh doanh) qua Zalo tên "Làm giấy tờ" để làm. Sau đó, có người giao hàng gọi điện thoại cho K1 và K1 đưa cho người giao hàng 1.500.000 đồng và yêu cầu giao hàng qua cho L, tại địa chỉ 3 T, Phường A, Quận A, nhận tiền giao hàng từ L. L gửi hình căn cước công dân hai mặt qua cho K1 (thông tin trong căn cước công dân không nhớ tên là gì), K1 đặt làm giấy xác nhận kinh doanh. K1 gửi thông tin cho bên làm giấy tờ và K1 đã trả

1.000.000 đồng cho người giao hàng rồi người này giao qua cho L, tiền giao hàng L trả. Sau khi nhận được giấy chứng nhận, L chuyển khoản trả số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản số 108870030094 của K1 mở tại ngân hàng V4. Giấy xác nhận kinh doanh đứng tên Nguyễn Minh K có mộc đỏ của Ủy ban nhân dân Phường A3, quận P, là của Lê Hữu D1 Khoa đặt làm cho L. K không có số điện thoại của người đặt làm giấy chứng nhận. K không biết nhân thân lai lịch của người làm các giấy chứng nhận, chỉ liên lạc trên mạng xã hội. Khi nghe tin L bị Công an Q mời làm việc, do không muốn liên quan nên K đã xoá tất cả tin nhắn, huỷ kết bạn Zalo tên "Làm giấy tờ". K biết các giấy tờ làm cho L là giả vì K đặt làm và bên làm giao cho K thì K thấy có chữ ký và đóng dấu mộc đỏ của Cơ quan Công an, Ủy ban, nhưng bỏ trống phần xác nhận và biết người nhận làm giấy tờ thông qua mạng xã hội Facebook trong các hội nhóm làm giấy tờ giả. Đồng thời, nhận thức được những tài liệu Khoa mua và bán cho L là giả.

Đặng Hoài N khai nhận: Thông qua mạng xã hội zalo, N quen biết Châu Hoàng Đ2. Sau đó, N và Đ2 kết bạn zalo với nhau, Đ2 biết N đặt giấy xác nhận tạm trú, Đ2 nhiều lần nhắn tin cho N cần làm giấy xác nhận tạm trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho khách hàng mở thẻ tín dụng. Khi Đ2 hỏi mua thì N đồng ý. N thoả thuận Đ2 cung cấp thông tin địa phương xác nhận trong giấy xác nhận tạm trú cho N. N sẽ làm cho Đ2 giấy xác nhận tạm trú được ký tên, đóng dấu Công an phường, xã theo địa phương Đ2 đã yêu cầu nhưng để trống thông tin người cần xác nhận, có thể điền vào sau, với giá là 500.000 đồng/01 tờ. Ngày 08/12/2022, Đ2 gửi thông tin và đặt N làm 02 giấy xác nhận tạm trú. Ngày 09/12/2022, N giao 02 tờ xác nhận tạm trú cho Đ2, cùng ngày Đ2 chuyển khoản trả cho N số tiền 1.000.000 đồng. Ngày 10/12/2022, Đ2 tiếp tục đặt N làm 12 tờ xác nhận tạm trú ở các quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12/12/2022, sau khi làm xong, N đã đặt G1 giao 12 tờ giấy xác nhận đến địa chỉ Đ2 yêu cầu. Đ2 hứa sẽ trả cho N số tiền 6.000.000 đồng sau khi nhận giấy xác nhận nhưng N vẫn chưa nhận được số tiền này. Các tờ giấy xác nhận tạm trú là do N tự làm giả, bằng cách: Nam tự soạn theo mẫu văn bản đơn xác nhận tạm trú rồi dùng công cụ để làm giả các con dấu mộc và ký giả chữ ký, xác nhận của Công an các phường, xã tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không điền thông tin người xác nhận và đóng dấu giả vào chữ ký. N sử dụng máy tính lên mạng tải những hình ảnh dấu mộc tròn của Công an phường, xã tại Thành phố Hồ Chí Minh về máy tính; sau đó dùng giấy scan in dấu mộc ra; dùng dung dịch xịt đen lên toàn bộ hình dấu mộc, để hình này lên miếng kính, dùng 04 miếng mica chặn 04 góc thành khuôn hình vuông (hoặc chữ nhật); dùng keo Photo Polyme đổ vào khuôn; cắt 01 bìa kiếng kích thước bằng khuôn đặt lên trên mặt lớp keo photo Polyme; tiếp đó đưa khuôn này vào đèn UV để hơ nóng hai mặt trong vòng 02 phút, sau khi hơ nóng khô keo thì đem đi rửa bằng nước; dùng kéo cắt theo viền

của dấu mộc. Sau khi làm xong dấu mộc thì dán dấu mộc này vào trụ gỗ có đầu hình cầu, đuôi bằng (cùi của con dấu) để sử dụng như con dấu bình thường, còn chữ ký và xác nhận trên tờ giấy là do N ký và xác nhận. Về thông tin họ tên, chức vụ của một số đơn vị cơ quan nhà nước thì N xem thông tin trên mạng để làm giả, còn một số thì N tự nghĩ ra tên, chức vụ để làm.

Nguyễn Minh K khai: Vào tháng 11/2022, K có nhu cầu vay tiền ngân hàng do không biết thủ tục nên K có nhờ bạn là Nguyễn Thị Minh T4, cư ngụ tại: A B, Phường B, quận T, làm giùm. T4 nói cho Minh K biết đã liên hệ với anh Trần L (qua Facebook), L cho biết chỉ cần cung cấp hình ảnh căn cước công dân hai mặt cho bên làm thẻ, thủ tục làm thẻ thì L làm hết, L hẹn 15 ngày sẽ ra thẻ tín dụng. Tuy nhiên, quá 15 ngày nhưng L không liên lạc gì với T4 nên T4 trực tiếp dẫn Minh K đến ngân hàng H mở thẻ tín dụng.

Nguyễn Thị Minh T4 khai: Nguyễn Minh K và T4 là bạn học cấp 3. Vào cuối tháng 11/2022, K có nhờ T4 làm dùm thẻ tín dụng. T4 lên mạng xã hội Facebook vào nhóm "mở thẻ tín dụng Tp.Hồ Chí Minh", có liên lạc với người có nick Trần L. Người này tư vấn cho T4 làm thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng, cho phí 15% hạn mức; phí bảo hiểm nhân thọ là 20.000.000 đồng (số tiền này sẽ trừ khi nhận thẻ), L sẽ làm hết tất cả các thủ tục, T4 chỉ cần cung cấp hình ảnh căn cước công dân và 02 thông tin để tham chiếu. Sau khi được L tư vấn thì T4 nói cho Minh K biết và Minh K đồng ý. T4 đã gửi hình ảnh căn cước công dân của Minh K và 02 thông tin tham chiếu, bao gồm: số điện thoại của T4 0794089745 và 01 địa chỉ người quen (H H, Phường A, quận P), L hẹn 02 tuần sẽ có thẻ tín dụng. Tuy nhiên, hết thời hạn L không liên lạc, biết L không mở được thẻ nên T4 trực tiếp đưa K đến ngân hàng H mở thẻ.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Châu Hồng Đ đã bỏ trốn. Ngày 14/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và truy nã đối với Châu Hồng Đ. Ngày 18/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã bắt giữ được bị cáo Châu Hồng Đ theo lệnh truy nã. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo Châu Hồng Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản án số: 48/2024/HS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã Quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; Điều 17, Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Minh L 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên hình phạt tù đối với các bị cáo Châu Hồng Đ, Đặng Hoài N về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, bị cáo Trần Minh L có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nêu trên. Bị cáo khai nhận hành vi thỏa thuận với Châu Hồng Đ đặt làm 13 giấy xác nhận tạm trú với giá 600.000 đồng/01 tờ để sử dụng vào việc làm hồ sơ tín dụng cho khách hàng do Trương Lập N2 giới thiệu. Bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại vai trò của bị cáo trong vụ án không phải là người chủ mưu, cầm đầu, thời điểm thực hiện hành vi phạm tội nhận thức pháp luật của bị cáo có phần hạn chế, tin tưởng giấy tờ do Đ làm nên mới cùng N2 đến cơ quan Công an để xác minh lại nguồn gốc giấy xác nhận tạm trú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết gì mới để cấp phúc thẩm xem xét. Đồng thời mức án mà cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo đã nằm ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với 33 mặt dấu thu giữ của Đặng Hoài N qua giám định là giả chưa được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá là có thiếu sót nhưng do bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N nên để đảm bảo tính ổn định của bản án sơ thẩm Viện kiểm sát đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Luật sư Võ Trần C bào chữa cho bị cáo Trần Minh L trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo L. Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm xác định bị cáo L là chủ mưu, cầm đầu và tuyên phạt mức án 03 năm 03 tháng tù là chưa phù hợp. Bởi, bị cáo không chỉ đạo, không tham gia trực tiếp với Đặng Hoài N để làm giả 13 giấy xác nhận tạm trú, mặt khác kết quả điều tra thu giữ 46 mặt dấu tại nhà bị cáo N qua giám định xác định được có 33 mặt dấu là giả, các mặt dấu này được N sử dụng để làm giả giấy tờ nhưng chưa được cấp sơ thẩm xem xét, ảnh hưởng đến việc đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án. Thời điểm cùng Trương Lập N2 đến Cơ quan Công an thì bản thân bị cáo cũng không thể nhận thức được bằng mắt thường các tờ giấy xác nhận tạm trú là thật hay giả. Về số tiền thu lợi bất chính, bản chất đây là tiền N2 ứng trước cho L làm hồ sơ tín dụng cho khách và sẽ được L hoàn trả cho N2 khi hồ sơ tín dụng của khách được ngân hàng chấp

nhận. Quá trình điều tra, truy tố xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đang là sinh viên đại học y, chủ động giao nộp số tiền thu lợi bất chính và khắc phục số tiền 9.500.000 đồng cho người liên quan ông Trương Lập N2, bị cáo có cha là nhà giáo có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục. Từ đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Trong trường hợp, Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị cáo L thì đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Minh L đồng ý quan điểm bào chữa của luật sư và không bào chữa bổ sung.

Các bị án Châu Hồng Đ, Đặng Hoài N không tham gia tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với quan điểm bào chữa của luật sư: Các yếu tố về nhân thân quá trình học tập, giấy khen của cha, khoản tiền nộp lại thu lợi bất chính đã được Viện kiểm sát xem xét đề nghị áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với vai trò và hành vi của bị cáo L là người khởi xướng, có vai trò cao nhất khi thực hiện tội phạm, bị cáo phải nhận thức được hành vi của mình làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức nên mức hình phạt của bị cáo là phù hợp. Đối với 33 mặt dấu giả thu giữ của Đặng Hoài N là thiếu sót của cấp sơ thẩm nhưng bị cáo N không có kháng cáo, kháng nghị tăng nặng nên để ổn định bản án sơ thẩm đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với đề nghị hưởng án treo do bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án 03 năm 03 tháng tù nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định. Do đó, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Kết thúc phần tranh luận, các bên đều bảo lưu quan điểm như đã trình bày.

Lời nói sau cùng: Bị cáo L xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để bị cáo hoàn thành việc tốt nghiệp đại học ngành Y, hành nghề cứu chữa người bệnh, làm công dân tốt cho xã hội. Các bị án N, Đ đề nghị được giữ nguyên bản án sơ thẩm, để sớm cải tạo trở về với xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Minh L về nội dung quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm. Trong vụ án này, ngoài xem xét kháng cáo của bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm còn xem xét những nội dung khác của

bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 345; Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân Quận 10, Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của các bị cáo Trần Minh L, Châu Hồng Đ, Đặng Hoài N tại phiên tòa phúc thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

[3.1] Từ cuối tháng 11/2022 đến ngày 12/12/2022, bị cáo Trần Minh L đã có hành vi đặt Châu Hồng Đ để Đ đặt Đặng Hoài N làm giả 14 tờ "Giấy xác nhận tạm trú" có chữ ký và con dấu giả của Công an các phường, xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, L giao lại 13/14 tờ "Giấy xác nhận tạm trú" cho đối tượng Trương Lập N2 để hưởng lợi số tiền 2.300.000 đồng, Đ hưởng lợi số tiền 6.200.000 đồng và N hưởng lợi số tiền 1.000.000 đồng. Căn cứ bản kết luận giám định số 45/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Phòng K2, Công an Thành phố H kết luận đối với 13 tờ "Giấy xác nhận tạm trú" nêu trên do đối tượng Trương Lập N2 giao nộp là giả.

[3.2] Do đó, Bản án sơ thẩm số: 48/2024/HS-ST ngày 24-4-2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt các bị cáo Trần Minh L, Châu Hồng Đ và Đặng Hoàng N4 về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Trong vụ án này, ngoài việc xem xét trách nhiệm hình sự của các bị cáo L, Đ và N4 liên quan đến hành vi làm giả 13 tờ "Giấy xác nhận tạm trú" thì Cơ quan Điều tra cấp sơ thẩm còn thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của bị cáo Đặng Hoàng N4 46 mặt dấu mộc hình tròn, làm bằng keo photo polymer, có đường kính 35mm. Kết quả giám định thể hiện tại kết luận giám định số: 4441/KL-KTHS ngày 09/5/2023 của Phòng K2, Công an Thành phố H kết luận có 33/46 mặt dấu thu giữ nêu trên là giả.

[5] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Đặng Hoàng N4 khai nhận, các mặt dấu mộc hình tròn được N4 làm bằng cách sử dụng máy tính lên mạng tải những hình ảnh dấu mộc tròn của Công an, Ủy ban nhân dân

phườnA3, xã; Các ngân hàng và chi nhánh ngân hàng thương mại cổ phần tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh về máy tính; tiếp đó dùng giấy scan in dấu mộc ra, rồi tạo khuông hình dấu mộc, sau đó dùng keo photo Polyme đổ vào khuông, hơ nóng bằng đèn UV và cắt tạo viền dấu mộc. Các dấu mộc này được N4 sử dụng dán vào trụ gỗ rồi sử dụng để đóng dấu làm tài liệu giả.

[6] Xét thấy, mặc dù bản cáo trạng số 23/CT-VKSQ10 ngày 01/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục từ 803 đến 808) có kết luận về việc thu giữ 46 con dấu của Đặng Hoàng N4 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá, nhận định về hành vi làm giả "33 mặt dấu " nêu trên của Đặng Hoài N là chưa đảm bảo về giới hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Từ đó, dẫn đến việc đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm của các bị cáo trong vụ án chưa phù hợp theo quy định tại Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự là sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật. Mặt khác, do bị cáo Đặng Hoài N không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị bất lợi nên cấp phúc thẩm không thể xét lại bản án sơ thẩm theo hướng bất lợi cho bị cáo Đặng Hoài N.

[7] Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 24-4-2024 của Tòa án nhân dân Quận 10. Giao toàn bộ hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại vụ án với thành phần Hội đồng xét xử mới theo quy định chung của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[8] Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo Trần Minh L.

[9] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 345; Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 24-4-2024 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Châu Hồng Đ, Đặng Hoài N đến khi Tòa án

cấp sơ thẩm thụ lý lại vụ án.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Bị cáo Trần Minh L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 10; (2)
- P.V06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (3)
- THADS Quận 10; (1)
- TAND Quận 10; (2)
- Công an quận Tân Phú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (23) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hương Giang